

Số: 8453 /BTC-NSNN
V/v hướng dẫn đánh giá thực hiện
Kế hoạch PTKTXH năm 2026, dự
kiến Kế hoạch PTKTXH năm 2027

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Căn cứ khoản 1 Điều 60 Luật Đầu tư công, thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2027, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương, địa phương) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, dự kiến kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị nêu trên với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2026

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện những tháng đầu năm 2026, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Trong đó tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

a) Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, khách quan, chính xác bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, bao gồm:

- Bối cảnh, tình hình thế giới, khu vực. Trong đó cần làm rõ những chuyển động, diễn biến phức tạp, khó lường, các yếu tố mới xuất hiện ảnh hưởng đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như: Cạnh tranh chiến lược các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột chính trị, bất ổn xã hội, nhất là tại Nga-Ucraina, Trung Đông, dải Gaza tác động tới các hoạt động kinh tế, thương mại, chuỗi cung ứng, vận tải...; biến động năng lượng, giá xăng dầu toàn cầu; chủ nghĩa bảo hộ thương mại, xu hướng phân cực, phân tách gia tăng... Triển vọng kinh tế toàn cầu và dự báo của các tổ chức quốc tế dưới tác động của chính sách thuế quan của Mỹ, biến động năng lượng toàn cầu; tình hình lạm phát, việc làm và phản ứng chính sách tại một số nền kinh tế lớn. Ảnh hưởng của khoa học công nghệ và các xu hướng, ngành, lĩnh vực mới nổi như chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...; diễn biến tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác..., tác động tới nhiều quốc gia, khu vực.

- Trong nước, năm 2026 là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030, đồng thời là năm thực hiện nhiều chủ trương, quyết sách mới có tính đột phá nhằm tạo nền tảng cho mục tiêu tăng trưởng hai con số trong cả giai đoạn. Vì vậy, cần làm rõ những cơ hội, thuận lợi từ việc triển khai các chủ trương, quyết sách, nhiệm vụ mới; đồng thời nhận diện đầy đủ các khó khăn, thách thức nội tại của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, làm rõ vai trò của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc chỉ đạo, điều hành việc triển khai các nhiệm vụ phát triển KTXH của cả nước.

b) Trên cơ sở bối cảnh tình hình năm 2026, cần tập trung làm rõ: các kết quả đạt được, những thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế, xã hội, thể chế, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... (có đánh giá, so sánh với năm 2025); đánh giá, phân tích khó khăn, hạn chế, nguyên nhân (chủ quan và khách quan) và rút ra các bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong những tháng cuối năm để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026. Trong đó:

- Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ¹, các Quyết định, Chỉ thị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 và năm 2026; đồng thời báo cáo đầy đủ việc thực hiện (có đánh giá hiệu quả) các chỉ tiêu đã được giao tại các Nghị quyết nêu trên theo mẫu tại Phụ lục kèm theo.

- Các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 và năm 2026; chương trình, kế hoạch hành động của địa phương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026, Nghị quyết của Chính phủ về giao bổ sung chỉ tiêu tăng trưởng cho các địa phương (sau khi được ban hành) và các Nghị quyết khác của Chính phủ.

Các nội dung cần được tập trung đánh giá tình hình, kết quả thực hiện:

(1) Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với mục tiêu tăng trưởng 02 con số gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Trong đó phân tích kỹ:

- Công tác điều hành, phối hợp chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác để hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra. Tập trung làm rõ công tác điều hành tín dụng, lãi suất, tỷ giá, quản lý thị trường vàng; thu chi NSNN; điều hành giá; các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất; thúc đẩy đầu tư công...

- Tình hình triển khai Nghị quyết về giao chỉ tiêu tăng trưởng cho các địa

¹ Gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW, 59-NQ/TW, 66-NQ/TW, 68-NQ/TW, 70-NQ/TW, 71-NQ/TW, 72-NQ/TW; 79-NQ/TW, 80-NQ/TW, 10-NQ/TW của Bộ Chính trị...; Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; các Nghị quyết số 244/2025/QH15, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/NQ-CP, 109/NQ-CP... và các Nghị quyết, Kết luận khác của Bộ Chính trị, Trung ương, Quốc hội, Chính phủ.

phương của Chính phủ. Trong đó, đánh giá rõ kết quả đạt/không đạt các mục tiêu tăng trưởng, nguyên nhân, giải pháp cụ thể, có tính khả thi cao để tạo đà cho tăng trưởng năm 2026.

- Đẩy mạnh và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống; phát triển thị trường trong nước; thúc đẩy xuất khẩu, khai thác các thị trường mới; thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao...

- Thúc đẩy phát triển các động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ và kinh tế ban đêm...).

(2) Công tác hoàn thiện thể chế gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Trong đó tập trung đánh giá các nội dung sau:

- Tình hình thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW và Kết luận số 24-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Việc hoàn thiện các quy định về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

- Tiến độ, chất lượng các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2026; các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua (*thống kê chi tiết số lượng các Luật, Nghị quyết trình Quốc hội; số lượng Nghị định, Nghị quyết, Thông tư trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ*).

- Công tác rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả triển khai nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tháo gỡ các điểm nghẽn cần phải hoàn thành ngay trong năm 2026 đã được giao tại Kết luận 18-KL/TW và Nghị quyết 109/NQ-CP của Chính phủ.

- Xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế khuyến khích cho những vấn đề mới, dự án công nghệ cao, dự án lớn, xu hướng mới.

- Hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, lành mạnh các loại thị trường (tài chính, chứng khoán, khoa học, công nghệ, lao động, bất động sản...).

(3) Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy; phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi. Trong đó tập trung đánh giá:

- Triển khai chủ trương tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn tổ chức bộ máy; công tác vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Việc sắp xếp, xử lý tài sản công sau sáp nhập, tinh gọn tổ chức bộ máy.

- Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính; chuyển đổi số quốc gia, số hoá toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

- Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm.

(4) Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Trọng tâm gồm:

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Cơ cấu lại 03 lĩnh vực trọng tâm (đầu tư công, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước).

- Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả; công tác vận hành Trung tâm tài chính quốc tế và khu vực tại Việt Nam; xây dựng khu thương mại tự do, khu kinh tế biên giới tại một số địa phương kinh tế trọng điểm.

- Tình hình triển khai Nghị quyết 70-NQ/TW của Bộ Chính trị.

(4) Tình hình thực hiện đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng; tiến độ triển khai các dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia, hạ tầng liên vùng, đô thị lớn (*tiến độ triển khai các dự án quan trọng quốc gia như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, sân bay Gia Bình, cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, các tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Lạng Sơn - Hà Nội, Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, dự án điện hạt nhân Ninh Thuận...*). Tiến độ xây dựng các công trình phục vụ sự kiện APEC2027. Kết quả công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng (*Kết quả đánh giá có số liệu cụ thể, trong đó đã tháo gỡ được bao nhiêu dự án và giải phóng được bao nhiêu nguồn lực ra nền kinh tế*).

(5) Tiếp tục phát triển, đổi mới giáo dục; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, sáng tạo. Trong đó, đánh giá kỹ:

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Tình hình triển khai các chương trình phát triển tương ứng với danh mục các nhóm công nghệ chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Tình hình thực hiện đột phá về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết Quốc hội.

- Tình hình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035.

- Kết quả triển khai các chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục trong giai đoạn tới như miễn học phí công lập, tổ chức học 2 buổi/ngày, miễn phí bữa ăn trưa ở các xã vùng biên giới, xây dựng trường nội trú cho các xã vùng biên giới, hải đảo.

- Đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhất là những ngành, lĩnh vực ưu tiên như AI, khoa học dữ liệu, chip bán dẫn...

(6) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân; đầu tư phát triển công nghiệp văn hoá. Trong đó tập trung một số nội dung sau:

- Tình hình triển khai Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, chỉ đạo thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Đánh giá công tác tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí; tiến độ triển khai Đề án quốc tế hóa văn hóa Việt Nam và Việt Nam hóa văn hóa quốc tế.

- Thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/1/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới. Xây dựng, ban hành Đề án phát triển Điền kinh Việt Nam giai đoạn 2030-2045; chuẩn bị lực lượng vận động viên, huấn luyện viên tham dự các đại hội thể thao khu vực, châu lục. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên tham dự các đại hội thể thao khu vực, châu lục.

- Tình hình triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035. Nâng cao năng lực dự báo, giám sát và phát hiện, khống chế kịp thời, hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Công tác xây dựng, hoàn thiện các hành lang pháp lý, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong mua sắm, đấu thầu, quản lý, cấp phép, gia hạn thuốc, trang thiết bị y tế. Công tác phát triển y tế số.

- Tình hình triển khai lộ trình miễn chi phí khám chữa bệnh cơ bản vào năm 2030 (Giai đoạn 1).

- Đánh giá tình hình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển vùng dân tộc thiểu số, chăm sóc sức khỏe dân số giai đoạn 2026 - 2035.

- Thúc đẩy tạo việc làm bền vững, sử dụng lao động hiệu quả thông qua

các chương trình, đề án, chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động.

- Kết quả thực hiện Đề án xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội năm 2026.

(7) Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

- Tiến độ triển khai công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

- Đánh giá kết quả nhiệm vụ xử lý ô nhiễm không khí tại các thành phố lớn.

(8) Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

(9) Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam. Trong đó, tập trung đánh giá việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

(10) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

(Chi tiết phân công đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của Kế hoạch năm 2026 xin xem tại các Phụ lục kèm theo).

Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiến hành đánh giá thêm các nội dung, chỉ tiêu khác phù hợp với tình hình của đơn vị và địa phương.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027

1. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và dự báo tình hình thế giới, trong nước tác động, ảnh hưởng đến phát triển KTXH của đất nước.

Các bộ, cơ quan trung ương cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; xây dựng kế hoạch trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 2026; có kế hoạch để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ đã được giao tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận 18-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 109-NQ/CP của Chính phủ.

Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra cần bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận 18-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 109-NQ/CP của Chính phủ, mang tính đột phá, đổi mới, mạnh mẽ, quyết

liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phát huy tính tự lực, tự cường của các cơ quan, đơn vị, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển KTXH, tạo đà, tạo lực, tạo thế cho giai đoạn 2026-2030. Trong đó, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Mục tiêu tổng quát.

b) Chỉ tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn. Các mục tiêu chủ yếu cần tập trung, phù hợp với tình hình thực tiễn, bám sát Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước.

c) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2027 bảo đảm thống nhất với mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và những định hướng lớn, gồm:

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả, thực chất các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Triển khai hiệu quả, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao trong giai đoạn 2026-2030 tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận 18-KL/TW của Trung ương và Nghị quyết 109/NQ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế phát triển; tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển.

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp. Đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trên cơ sở tiến độ, chất lượng công việc, thái độ phục vụ và sự hài lòng của nhân dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng với mục tiêu tăng trưởng 02 con gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao đời sống của nhân dân; cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; có các giải pháp nâng cao năng suất lao động.

- Phát triển mạnh các khu vực của nền kinh tế gồm kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao, bám sát các mục tiêu tại các Nghị quyết 68-NQ/TW, 79-NQ/TW và 10-NQ/TW của Bộ Chính trị. Có các giải pháp mạnh mẽ hơn, cần thực hiện ngay trong năm 2027 để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và phát triển doanh nghiệp.

- Tạo đột phá thực chất trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đảm bảo bố trí chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia theo yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy nhanh quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội. Đẩy mạnh phát hiện, thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ chiến lược như: Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chip bán dẫn, an ninh mạng...

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia, các dự án hạ tầng chiến lược có tính liên vùng, kết nối các trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện hiệu quả quy hoạch để khai thác hiệu quả không gian phát triển mới. Phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng dự trữ quốc gia, hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng văn hóa, giáo dục... Tiếp tục đẩy mạnh xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án đang tồn đọng.

Các bộ, ngành nghiên cứu, đề xuất giao các doanh nghiệp nhà nước làm chủ đầu tư một số công trình, dự án trọng điểm về năng lượng để đảm bảo an ninh năng lượng, đảm bảo cung ứng điện trong thời gian tới.

- Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, ưu tiên hỗ trợ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương; đẩy mạnh chất lượng công tác y tế; hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy gia tăng tỷ lệ sinh; công tác thực hiện các chủ trương về an sinh xã hội của Đảng, Chính phủ; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Tiếp tục thực hiện các giải pháp xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường, ngập úng tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là hội nhập kinh tế; phát huy vai trò, vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

2. Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương bám sát các nội dung tại điểm 1 mục II nêu trên; đảm bảo phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH, kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 của cả nước và địa phương; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương, từng vùng; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; kế thừa những thành quả đã đạt được, đồng thời đổi mới, tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại,

hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

- Triển khai các nhiệm vụ theo phân công tại Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

- Thực hiện các nội dung theo phân công tại các Phụ lục kèm theo, gửi báo cáo bằng văn bản về Bộ Tài chính, đồng thời gửi bản mềm (dạng Word, Excel và PDF) vào hòm thư điện tử **thktvm@mof.gov.vn**; **tonghop@nso.gov.vn** nghiên cứu, tổng hợp báo cáo kế hoạch chung của cả nước.

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 của địa phương mình đến Bộ Tài chính.

- Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP), các địa phương sử dụng số liệu do Cục Thống kê công bố; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2026 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.

Trên cơ sở ước thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng GRDP của các địa phương năm 2026, mục tiêu tăng trưởng bình quân 05 năm 2026-2030 của các địa phương tại Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội, Bộ Tài chính đã dự kiến mục tiêu tăng trưởng GRDP tối thiểu cần đạt của các địa phương năm 2027², làm căn cứ để các địa phương rà soát, xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng GRDP và các ngành, lĩnh vực, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước đạt từ 10% trở lên. Theo đó, (i) Địa phương có tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 thấp hơn mục tiêu thì cần tăng trưởng cao hơn để đạt mục tiêu 05 năm 2026-2030; (ii) Địa phương đạt mục tiêu năm 2026 thì tiếp tục phấn đấu tăng trưởng tương đương mục tiêu bình quân 05 năm 2026-2030 (Chi tiết tại Phụ lục I).

Đồng thời, các địa phương xác định các dự án **quan trọng, có đóng góp lớn, tác động vào tăng trưởng GRDP và phát triển kinh tế - xã hội** trong địa bàn (gồm các dự án đầu tư tư nhân, dự án đầu tư vốn nhà nước và FDI), dự kiến hoàn thành trong năm 2027 (**bổ sung tại Phụ lục V**) để trên cơ sở đó tính toán giá trị đóng góp của từng dự án vào tăng trưởng GRDP chung của địa phương.

Đối với các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022, cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp báo cáo số liệu đến thời điểm báo cáo theo quy định; bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện, ước thực hiện năm 2026 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch năm 2027.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì xây dựng chỉ tiêu lạm phát (Chỉ

² Chỉ tiêu tăng trưởng (GRDP) dự kiến của các địa phương năm 2027 đảm bảo cao hơn mức bình quân GRDP giai đoạn 2026-2030.

số giá tiêu dùng - CPI) năm 2027 theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010.

3. Các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và Ngân hàng Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ đề xuất xây dựng một số cân đối lớn của nền kinh tế năm 2027, như: Cân đối tích lũy - tiêu dùng, Cân đối xuất, nhập khẩu (hàng hóa), Cân đối năng lượng (điện), Cán cân thanh toán Quốc tế, Cân đối lương thực (an ninh lương thực), Cân đối nguồn nước (an ninh nguồn nước) và các cân đối quan trọng khác.

4. Các Bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương căn cứ vào ngành, lĩnh vực được giao phụ trách để rà soát, kiến nghị, đề xuất các chỉ tiêu mới, phù hợp, có tính khả thi cao, mang tính đột phá, bám sát với các mục tiêu, chỉ tiêu đã được đề ra tại nhóm 10 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị. Các chỉ tiêu mới phải đảm bảo các điều kiện, yêu cầu đã được quy định tại điểm 2.d, mục I, phần A của Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Cục Thống kê (Bộ Tài chính) phối hợp với các địa phương rà soát mục tiêu tăng trưởng của các địa phương; biên soạn và thông báo số liệu GRDP ước tính năm 2026 lần 1 cho địa phương (**ngày 29/6/2026**), làm căn cứ cho địa phương xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Y tế xây dựng nội dung báo cáo về kết quả thực hiện các Nghị quyết số 28/2026/QH16 và Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm 2026 để xây dựng thành đầu mục riêng trong báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, trình Quốc hội khóa XVI tại Kỳ họp thứ 2.

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12 tháng 06 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ, nội dung hướng dẫn tại văn bản này và tình hình, đặc điểm cụ thể của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ nêu trên và gửi Báo cáo về Bộ Tài chính **trước ngày 15/7/2026** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./. *sg*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo)
- Bộ Tài chính: Cục Thống kê; các đơn vị thuộc Bộ (để có báo cáo);
- Lưu: VT, NSNN. *2(2b)*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Phụ lục I
DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG GRDP CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2027
(Kèm theo Công văn số 8453 /BTC-NSNN ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	ĐỊA PHƯƠNG	TỐC ĐỘ BÌNH QUÂN 2026 - 2030	CHỈ TIÊU NĂM 2026	DỰ KIẾN NĂM 2027
1	Thành phố Hà Nội	10,5 - 11,0	11,0	11,1
2	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	10,2	10,4
3	Thành phố Hải Phòng	13,0 - 14,0	13,0	13,0
4	Thành phố Huế	10,0	10,02	10,3
5	Thành phố Đà Nẵng	11,0 - 11,5	11,22	11,5
6	Thành phố Cần Thơ	10,0 - 10,5	10,07	10,6
7	Lai Châu	10,0	10,0	10,2
8	Điện Biên	10,0 - 11,0	11,02	10,4
9	Sơn La	8,0 - 8,5	8,0	9,3
10	Lào Cai	10,0	10,1	10,2
11	Phú Thọ	10,5	11,0	10,9
12	Tuyên Quang	10,5	10,17	11,2
13	Cao Bằng	8,0 - 9,0	10,0	10,3
14	Thái Nguyên	10,5	11,0	10,5
15	Lạng Sơn	10,0 - 11,0	10,61	10,7
16	Quảng Ninh	11,0 - 12,0	13,0	11,0
17	Bắc Ninh	10,5	12,5	10,5

TT	ĐỊA PHƯƠNG	TỐC ĐỘ BÌNH QUÂN 2026 - 2030	CHỈ TIÊU NĂM 2026	DỰ KIẾN NĂM 2027
18	Hưng Yên	10,0 - 11,0	11,5	10,0
19	Ninh Bình	10,5 - 11,0	11,0	10,5
20	Thanh Hoá	11,0	11,0	11,6
21	Nghệ An	11,0 - 12,0	11,05	11,2
22	Hà Tĩnh	10,0	10,43	10,0
23	Quảng Trị	9,0 - 10,0	10,6	9,0
24	Quảng Ngãi	9,0 - 9,5	9,0	10,5
25	Gia Lai	10,0 - 10,5	9,01	10,5
26	Đắk Lắk	11,0 - 11,5	10,02	11,6
27	Khánh Hoà	11,0 - 12,0	10,2	11,5
28	Lâm Đồng	10,0 - 10,5	10,0	11,0
29	Đồng Nai	10,0	10,0	10,1
30	Tây Ninh	10,0 - 10,5	10,04	10,0
31	Đồng Tháp	8,5 - 9,0	8,21	8,7
32	Vĩnh Long	10,0 - 10,5	10,0	10,9
33	An Giang	9,5 - 10,0	10,71	11,5
34	Cà Mau	10,0 - 10,5	10,0	10,5

Phụ lục II
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH KTXH NĂM 2026 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027
(Kèm theo Công văn số 8453/BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2026		
I	BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2026	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
II	TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2026	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của BCH Đảng bộ và HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc TW về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026)
1	Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 theo 15 chỉ tiêu chủ yếu được giao tại Nghị quyết số 244/2025/QH15	
-	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 10% trở lên	Bộ Tài chính
-	Quy mô GDP đạt khoảng trên 500 tỉ đô la Mỹ (USD)	Bộ Tài chính
-	GDP bình quân đầu người khoảng trên 5.400 – 5.500 đô la Mỹ (USD)	Bộ Tài chính
-	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,96%	Bộ Tài chính
-	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ TC (CTK)
-	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khoảng 8,5%	Bộ Tài chính
-	Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động xã hội đạt 25,3%	Bộ Tài chính
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 70%, trong đó có bằng, chứng chỉ khoảng 29,5%	Bộ Nội vụ

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%	Bộ Nội vụ
-	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm khoảng 1-1,5 điểm %	Bộ NNMT, Bộ Tài chính
-	Số bác sĩ trên 10.000 dân đạt khoảng 15,3 bác sĩ	Bộ Y tế
-	Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 34,7 giường bệnh	Bộ Y tế
-	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% dân số	Bộ Tài chính
-	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 15% (Theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030)	Bộ NNMT
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%	Bộ NNMT
-	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 95%	Bộ Tài chính
2	Đánh giá các kết quả đạt được theo các nhóm nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 244/2025/QH15 và các kết luận, Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ về phát triển KTXH năm 2026	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
2.1	<i>Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định</i>	
-	Kết quả tăng trưởng GRDP của các ngành, lĩnh vực, địa phương.	Bộ Tài chính
-	Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác, nỗ lực giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; tiếp tục làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ và kinh tế ban đêm...).	NHNN; Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
-	Hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ phù hợp; cân đối hài hòa giữa việc giảm lãi suất và ổn định tỷ giá, kiểm tra, giám sát, bảo đảm ổn định thị trường tiền tệ, tín dụng; tiếp tục phấn đấu giảm mặt bằng lãi suất và đơn giản hóa thủ tục hành chính để tăng khả năng tiếp cận, hấp thụ vốn tín dụng, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng.	NHNN
-	Kết quả triển khai các giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm và các Chương trình mục tiêu quốc gia (có đánh giá tồn tại, hạn chế); tăng cường phân cấp, phân quyền nhiều hơn nữa và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún; thu hồi các dự án không triển khai	Bộ Tài chính; các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	theo kế hoạch phê duyệt, kiên quyết cắt giảm, loại bỏ những dự án không thật sự cần thiết, không hiệu quả; trong đó ưu tiên bố trí nguồn lực của ngân sách nhà nước cả trung ương và địa phương thực hiện các công trình kết nối các tỉnh, kết nối vùng, kết nối quốc gia, quốc tế, nhất là kết nối các trung tâm kinh tế và các địa phương là cực tăng trưởng.	
-	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên để dành tăng thêm cho chi đầu tư phát triển hạ tầng chiến lược; kiểm soát bội chi, nợ công trong giới hạn an toàn, hợp lý, đồng thời nghiên cứu, xem xét tận dụng dư địa về nợ công, nợ chính phủ, bội chi để huy động thêm nguồn lực cho phát triển.	Bộ Tài chính
-	Phát triển mạnh thị trường trong nước, thúc đẩy xuất khẩu, tiếp tục giảm chi phí logistics thông qua hoàn thiện hạ tầng chiến lược.	Bộ Công Thương
-	Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hoá chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu; khai thác hiệu quả các thị trường mới, thị trường Halal, phân đấu thắng dư thương mại bền vững.	Bộ Công Thương
-	Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ.	Bộ Công Thương
-	Tình hình phát triển thương mại dịch vụ, logistics, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ.	Bộ Công Thương
2.2	<i>Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực</i>	
-	Tình hình triển khai Nghị quyết 66-NQ/TW và Kết luận số 09-KL/TW của Bộ Chính trị	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan trung ương
-	Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ Tổng rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam và Xây dựng chiến lược hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới	Bộ Tư pháp
-	Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng. Bảo đảm tiến độ và chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2026.	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan trung ương
-	Ban hành các văn bản hướng dẫn và thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội thông qua	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Kết quả thể chế hóa, triển khai các Kết luận, Nghị quyết Bộ Chính trị, các luật, nghị quyết của Quốc hội đã được thông qua về tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy và vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt với hiệu quả cao hơn; hoàn thiện, tháo gỡ các điểm nghẽn trong quy định về tổ chức bộ máy phục vụ triển khai cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Kết quả một năm thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.	Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
-	Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; Trung ương, Chính phủ, Quốc hội giữ vai trò kiến tạo, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; không để đùn đẩy trách nhiệm, kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin - cho”.	Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
-	Công tác hoàn thiện thể chế để phát triển ổn định, lành mạnh, bền vững các loại thị trường, nhất là thị trường trái phiếu doanh nghiệp, quyền sử dụng đất, bất động sản, lao động, khoa học công nghệ, thị trường năng lượng... góp phần nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng các nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.	Bộ Tài chính, Bộ NNMT, Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, Bộ KH-CN và các bộ, cơ quan trung ương.
-	Tình hình hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, Luật Du lịch, Luật Điện ảnh, Luật Thư viện, Luật Di sản văn hóa...)	Bộ VH-TT-DL
-	Tình hình sửa đổi Luật Đất đai và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành và công tác rà soát, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất	Bộ NNMT
-	Tình hình thực hiện phòng ngừa, giải quyết các tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế, các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, tránh phát sinh các vụ kiện về đầu tư.	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan trung ương
-	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương) và phấn đấu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp	Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan trung ương.
-	Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực theo hướng thống nhất, đồng bộ, hiện đại, hài hoà với các tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp điều kiện thực tiễn	Bộ KH-CN và các bộ, cơ quan trung ương.
-	Thể chế hoá các cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương được thực tiễn chứng minh là đúng, có hiệu quả để áp dụng trên phạm vi toàn quốc	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan trung ương.
-	Công tác thể chế hóa Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tiến độ thành lập công Đầu tư một cửa Quốc gia	Bộ Tài chính
-	Tình hình thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Thanh tra Chính phủ và các bộ, cơ quan trung ương, địa

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	trong giai đoạn mới	phương
2.3	Tiếp tục tập trung hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành để phục vụ phát triển	
-	Thực hiện nghiêm các quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, hoạt động thanh tra, kiểm toán và quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, nhất là các kết luận thanh tra do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo; tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, tăng tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản do vi phạm, tiêu cực, tham nhũng.	Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan trung ương
-	Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả chủ trương tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận 127-KL/TW, Kết luận số 210-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn tổ chức bộ máy, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, không chồng chéo, trùng lặp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; triển khai định hướng tiếp tục sắp xếp bộ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cấp xã; định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh.	Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
-	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung số hoá toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tích cực thực hiện Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu đầu tư, doanh nghiệp, ngân hàng... sớm đưa vào vận hành và kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia.	VPCP, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ KHCN, Bộ Công thương, và các bộ, cơ quan trung ương.
-	Thực hiện tốt các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.	Bộ Nội vụ và các cơ quan trung ương, địa phương
2.4	Xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	
a)	Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.	Bộ Công thương; các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương
-	Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp; ưu tiên phát triển, làm chủ và chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới phục vụ phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi như chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn. Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước; Đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương trong việc thẩm định dự án, thiết kế, dự toán, tháo gỡ các vướng mắc pháp lý trong thực hiện dự án.	Bộ Công Thương

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Cơ cấu lại ngành nông nghiệp; xây dựng nền nông nghiệp theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; chuyển mạnh từ duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển các vùng nguyên liệu đạt chuẩn; tiếp tục thực hiện và nhân rộng các mô hình có hiệu quả trong Đề án phát triển 01 triệu héc-ta lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long; các mô hình nông nghiệp thông minh. Đánh giá công tác thực hiện gỡ thẻ vàng IUU.	Bộ NNMT
-	Cơ cấu lại một số ngành, lĩnh vực dịch vụ quan trọng như du lịch, thương mại, logistics... Phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh. Đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ, hướng tới cân bằng cán cân thương mại, dịch vụ; triển khai hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về trung tâm tài chính tại Việt Nam; xây dựng khu thương mại tự do tại một số địa phương trọng điểm về kinh tế. Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, bền vững. Thúc đẩy mở rộng mạng lưới các tuyến vận tải biển chuyên tuyến, triển khai hiệu quả các Hiệp định vận tải hàng hóa và hành khách qua biên giới. Tình hình xây dựng Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030 Xây dựng Đề án phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn	Bộ Công thương, Bộ VHTTDL
b)	Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; khẩn trương thực hiện Kết luận số 93-KI/TW ngày 06/9/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng tăng cường tính chủ đạo của ngân sách trung ương và nâng cao tính chủ động, tích cực, linh hoạt, sáng tạo của ngân sách địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan, nhất là cho đầu tư phát triển.	Bộ Tài chính
c)	Kết quả công tác Cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các công trình, dự án trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Kiên quyết không đầu tư dàn trải, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gắn với hạch toán đầu tư. Trung ương chỉ đầu tư các dự án kết nối vùng, kết nối khu vực, kết nối quốc tế. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Nâng cao chất lượng chuẩn bị đầu tư các dự án cho giai đoạn 2026-2030, nhất là các dự án hạ tầng chiến lược.	Bộ Tài chính; các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương
d)	Triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2026-2030”; thực hiện các phương án xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém; triển khai cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Đẩy mạnh xử lý nợ xấu; tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật. Triển khai các giải pháp chuyển đổi số hoạt động ngân hàng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo an ninh, an	NHNN

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	toàn hoạt động thanh toán trong nền kinh tế. Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt và đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng	
đ)	Đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước - Đánh giá tình hình thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước năm 2026 và định hướng đến năm 2030 để tạo động lực tăng trưởng mới, góp phần đảm bảo mục tiêu tăng trưởng 02 con số giai đoạn 2026-2030. - Công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả nguồn lực đầu tư của các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, không hiệu quả; đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả, mất vốn nhà nước. - Phát huy, định hướng vai trò của các doanh nghiệp nhà nước tập trung đầu tư vào các dự án lớn, trọng tâm, trọng điểm, có tác động lan tỏa cao. - Tập trung tiên phong trong 06 lĩnh vực về: đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; thực hiện 3 đột phá chiến lược; tăng tốc, bứt phá tăng trưởng; phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ và kinh tế tri thức; thực hiện chính sách xã hội và an sinh xã hội; xây dựng và nâng cao giá trị thương hiệu quốc gia.	Bộ Tài chính
e)	- Tình hình thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế. - Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 138/NQ-CP năm 2025 về Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. - Kết quả cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm điều kiện kinh doanh, chi phí tuân thủ, tháo gỡ khó khăn về tiếp cận vốn, đất đai, thị trường, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh cho doanh nghiệp. - Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác; nghiên cứu hình thức hỗ trợ đối với các doanh nghiệp xã hội; tổ chức triển khai hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2023. - Đánh giá chất lượng phát triển doanh nghiệp, không chỉ dừng ở số lượng đăng ký; công tác phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, hợp tác xã, liên kết chuỗi. - Đánh giá đóng góp của doanh nghiệp tư nhân vào tăng trưởng, đầu tư, việc làm, đổi mới, sáng tạo.	Bộ Tài chính
f)	- Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, nhất là trong những ngành, lĩnh vực mới nổi, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong nước và các doanh nghiệp trong nước, tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. - Tình hình	Bộ Tài chính
2.5	<i>Tập trung đầu tư xây dựng, bảo đảm tiến độ các công trình hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, thông minh, kết nối quốc gia, quốc tế, nhất là các công trình giao thông trọng điểm, hệ thống đường sắt, hệ thống sân bay quốc tế, hệ thống cảng biển, hạ tầng năng lượng; thúc đẩy phát triển các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh mới</i>	

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Công tác chuẩn bị thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án hạ tầng giao thông chiến lược, quan trọng quốc gia; đặc biệt là các tuyến đường cao tốc giai đoạn 2026 - 2030, nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường cao tốc phân kỳ theo quy mô quy hoạch; tình hình triển khai đầu tư các tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Lạng Sơn - Hà Nội, Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng và tiến độ chuẩn bị hoàn thiện thủ tục đầu tư toàn tuyến dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia năm 2026 như: Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, các cảng khu vực Lạch Huyện, cảng trung chuyển Cần Giờ	Bộ Xây dựng
-	Tình hình triển khai, tiến độ thực hiện các dự án trong các Chương trình mục tiêu quốc gia	Các Bộ Chủ trương trình, chủ dự án thành phần
-	Kết quả công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các dự án tồn đọng, đặc biệt là các dự án hạ tầng quy mô lớn <i>- Kết quả đánh giá có số liệu cụ thể, trong đó đã tháo gỡ được bao nhiêu dự án, giải phóng được bao nhiêu nguồn lực ra nền kinh tế.</i> Kết quả đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư; triển khai các giải pháp đã thực hiện để bảo đảm nguồn cung nguyên vật liệu, kiểm soát giá nguyên vật liệu, chỉ tiêu sử dụng đất để đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng các dự án cao tốc.	Bộ Tài chính, Bộ NNMT, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.
-	Tình hình triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch huy động nguồn lực triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP); xây dựng và trình phê duyệt các cơ chế, chính sách phát triển điện lực, năng lượng tái tạo, hydrogen, báo cáo khởi động lại điện năng lượng hạt nhân, phù hợp với mục tiêu, quy hoạch, điều kiện, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tích cực triển khai các tiêu chí, tiêu chuẩn về hạ tầng thương mại. Các kết quả đạt được trong việc triển khai Nghị quyết 70-NQ/TW của Bộ Chính trị. Các giải pháp đã thực hiện để nâng cao hạ tầng dự trữ năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và cung ứng đủ điện cho nhu cầu phát triển kinh tế của cả nước.	Bộ Công thương
-	Kết quả phát triển hạ tầng số, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số và nền tảng số, ứng dụng số tạo động lực phát triển kinh tế số. Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; tập trung xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	Bộ KHCN
-	Triển khai các tiêu chí, tiêu chuẩn về hạ tầng thương mại như tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn giai đoạn 2026-2030; mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn Việt Nam về chợ kinh doanh thực phẩm...	Bộ Công thương
-	Công tác phát triển hạ tầng văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế, ứng phó với biến đổi khí hậu. Ưu tiên các công trình thủy lợi, đê kè, hồ đập, hồ chứa thủy lợi... xung yếu, bị hư hại, có rủi ro, nguy cơ mất an toàn. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản; hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, hạ tầng giống nông lâm nghiệp, các công	Bộ NNMT, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	trình cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực nông thôn, đảm bảo người dân tại nông thôn được cấp đầy đủ nước sạch.	
-	Kết quả công tác phát triển, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, không gian ngầm đô thị; tình hình thực hiện các giải pháp để hạn chế tình trạng thoát nước, ngập úng đô thị, nhất là tại các đô thị lớn như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng... Tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục.	Bộ Xây dựng
-	Tình hình xử lý các khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài: đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo kết quả rà soát, xử lý các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án tồn đọng, kéo dài thuộc phạm vi quản lý, đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại và tác động của việc xử lý các dự án này đến tăng trưởng kinh tế - xã hội.	Bộ Tài chính
2.6	<i>Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực hiện đại, chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi, công nghệ cao; tạo đột phá để thúc đẩy mạnh mẽ nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i>	
-	Tình hình thực hiện, kết quả đạt được trong quá trình triển khai Nghị quyết 71/NQ-TW của Bộ Chính trị - Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; thúc đẩy giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. - Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; xây dựng văn hóa học đường, ngăn chặn có hiệu quả bạo lực học đường. - Triển khai kết luận của Bộ Chính trị về thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập trên toàn quốc từ năm học 2025-2026. - Kết quả thực hiện đề án xây dựng các trường nội trú cho học sinh phổ thông ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.	Bộ GD&ĐT
-	Thực hiện các giải pháp đột phá phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp; tạo chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp.	Bộ GD&ĐT
-	- Kết quả đạt được trong các đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu của thị trường; việc thực hiện các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học chuyển giao các dự án khởi nghiệp cho địa phương; cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư nguồn lực, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. - Tình hình xây dựng, thực hiện các Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định	Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	hướng đến năm 2050; Đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2045; các Đề án phát triển các cơ sở giáo dục đại học và Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo và xuất sắc về công nghệ 4.0.	
-	- Tình hình triển khai, kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 193/2025/QH15 Quốc hội; Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ. + Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp, chuyển đổi số quốc gia; có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, nhất là đầu tư phát triển công nghệ hydrogen xanh, sản xuất chip bán dẫn... + Các trọng điểm đột phá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã đạt được trong chương trình hành động của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương. + Các dự án/nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. + Cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, Bộ Tài chính
-	Thúc đẩy mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia và Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.	Bộ Tài chính
-	Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia sâu rộng, toàn diện, bứt phá, xây dựng thể chế số thông thoáng, hạ tầng số hiện đại, nền kinh tế số rộng khắp, nhân lực số chất lượng cao, bảo đảm an ninh, an toàn mạng.	Bộ KH&CN, Bộ Công an, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan trung ương
	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu các bộ, ngành, địa phương kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, có cơ chế chia sẻ dữ liệu khu vực công cho khu vực tư.	Bộ Công an
2.7	<i>Đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân</i>	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
-	Tình hình triển khai, kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị và Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.	Bộ VH&TDL
-	Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí; tạo lập môi trường thúc đẩy đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, sáng tạo, đa dạng, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.	Bộ VH&TDL
-	Tập trung chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động, kỷ niệm các ngày Lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước.	Bộ VH&TDL
-	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền.	Bộ VH&TDL
-	Tiếp tục thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới. Tình hình xây dựng Đề án phát triển Điền kinh Việt Nam giai đoạn 2030-2045; Chương trình phát triển các môn thể thao trọng điểm	Bộ VH&TDL

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	của Việt Nam tham dự Olympic và Asiad.	
-	Kết quả thực hiện công tác người có công với cách mạng.	Bộ Nội vụ
-	Kết quả thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, an sinh xã hội; tổ chức cứu trợ đột xuất khi có thiên tai, dịch bệnh.	Bộ Y tế, Bộ NNMT
-	Kết quả thực hiện công tác công tác giảm nghèo bền vững.	Bộ NNMT
-	Kết quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.	Bộ Tài chính, BHXHVN
-	Kết quả thực hiện công tác phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động.	Bộ Nội vụ
-	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới. <i>- Đánh giá đối với nhiệm vụ đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương theo yêu cầu tại Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới.</i> Kết quả công tác phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; Kết quả thực hiện mục tiêu năm 2026 của Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”.	Bộ Xây dựng
-	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia (tổ chức triển khai, kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân, phương hướng, giải pháp,...) về Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	Bộ NNMT, Bộ Dân tộc và tôn giáo
-	Tình hình triển khai, kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị - Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; quản lý sức khỏe toàn dân; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em. Tập trung khắc phục hiệu quả tình trạng thiếu thuốc, vật tư, thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập. Triển khai lộ trình tăng số lượng vắc-xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030; kết quả thực hiện Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2026. - Tình hình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035. - Kết quả công tác đổi mới cơ chế tài chính y tế, thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế phù hợp với khả năng chi trả của người dân, quỹ bảo hiểm y tế và ngân sách nhà nước. Nghiên cứu hoàn thiện phương thức chi trả dịch vụ y tế; thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. - Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ở tất cả các tuyến; nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân. Tập trung mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa, ngay từ cơ sở, tăng cường chỉ đạo, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho các cơ sở y tế tuyến dưới. Nghiên cứu, đề xuất chế độ, chính sách đãi ngộ xứng đáng với yêu cầu nhiệm vụ, đặc thù công việc của ngành y tế.	Bộ Y tế

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	- Phát triển y tế số, bệnh án điện tử. - Tình hình triển khai lộ trình miễn viện phí cho người dân đến năm 2030; tình hình thực hiện mục tiêu người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần - Nghiên cứu, xây dựng khung chính sách tổng thể về dân số, bảo đảm tỷ suất sinh thay thế phù hợp với vùng, miền, đối tượng dân cư và số lượng, chất lượng dân số, góp phần kéo dài và tận dụng cơ hội thời kỳ dân số vàng.	
-	Tình hình thực hiện cải cách chính sách tiền lương <u>Phát triển thị trường lao động lành mạnh, bền vững, đảm bảo nhu cầu của thị trường</u>	Bộ Nội vụ
-	Tình hình thực hiện công tác trẻ em, thanh niên, bình đẳng giới.	Bộ Nội vụ
-	Tình hình thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng	Bộ Dân tộc và tôn giáo
2.8	<i>Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; bảo vệ môi trường, hạn chế ô nhiễm; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững</i>	
-	Quyết liệt triển khai các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các sáng kiến, cam kết của Việt Nam tại COP26 và COP28. Tập trung thực hiện Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	Bộ NNMT
-	Kết quả thực hiện kiểm kê khí nhà kính các cấp; giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, nghiên cứu đề xuất phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và vận hành thí điểm thị trường các-bon đối với một số lĩnh vực cụ thể.	Bộ NNMT
-	Xây dựng Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	
-	Rà soát, hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường; tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước	Bộ NNMT
-	Chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn do tác động của hiện tượng El Nino. Thực hiện các dự án trọng điểm về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, nhất là hạn hán, xâm nhập mặn, sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở đất, nhất là tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng ven biển, khu vực Bắc Trung Bộ, khu vực Tây Nguyên, miền núi phía Bắc	Bộ NNMT
-	Khẩn trương thực hiện các giải pháp giảm ô nhiễm không khí tại các thành phố lớn, nhất là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.	Bộ NNMT
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng và có giải pháp huy động nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản cho phát triển. Tiếp tục xây dựng, trình ban hành các văn bản hướng dẫn và thực hiện hiệu quả Luật Đất đai năm 2024.	Bộ NNMT

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
-	Thực hiện hiệu quả các chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.	Bộ NNMT
-	Kết quả công tác bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước. Tình hình xây dựng, triển khai Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước	Bộ NNMT
-	Tiếp tục hiện đại hóa mạng lưới khí tượng thủy văn, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo, nhất là thiên tai liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất, cấp báo động lũ.	Bộ NNMT
2.9	<i>Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại</i>	
-	Kết quả công tác tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Chủ động nghiên cứu, nắm chắc, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu, xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động bất ngờ. Xây dựng quân đội “tinh, gọn, mạnh” với trọng tâm là nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng chiến đấu và sự linh hoạt trong tác chiến. Tổ chức triển khai các đề án điều binh, diễu hành kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, 80 năm Quốc khánh, 80 năm ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam, 20 năm ngày Hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
-	Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước, các mục tiêu trọng điểm, đoàn khách, hội nghị quốc tế quan trọng tổ chức tại Việt Nam, trọng tâm là bảo vệ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031; các Hội nghị Trung ương, các kỳ họp Quốc hội, các hoạt động lớn như Kỷ niệm 30/4, 1/5, Quốc khánh mừng 2/9... Tăng cường công tác nắm tình hình liên quan đến an ninh, trật tự, nhất là tác động đến an ninh, lợi ích quốc gia Việt Nam để kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước, tuyệt đối không để bị động, bất ngờ về chiến lược. Thực hiện đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; bảo đảm an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ.	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng
-	Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng, hiện đại	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
-	Trấn áp mạnh, quyết liệt các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm giết người, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; cướp ngân hàng, tiệm vàng; tội phạm đánh bạc; hoạt động “tín dụng đen”; tội phạm liên quan đến thanh, thiếu niên; tội phạm mua bán người; các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, các tụ điểm phức tạp về ma túy trong nước; xử lý nghiêm tội phạm và các vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo trên không gian mạng, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực.	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng
-	Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030	Bộ Công an

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
2.10	<i>Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; thúc đẩy ngoại giao kinh tế, trọng tâm là ngoại giao công nghệ; đẩy mạnh ngoại giao đa phương, chủ động, tích cực tham gia định hình, dẫn dắt, xây dựng luật chơi trong quản trị toàn cầu và giải quyết các vấn đề chung của thế giới</i>	
-	Tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tăng cường phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân để phát huy sức mạnh tổng hợp và lợi thế đặc thù của từng lĩnh vực, đặc biệt trong công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược. Triển khai kịp thời, thực chất, hiệu quả các cam kết của Việt Nam với các nước, rà soát hàng quý tình hình thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	Bộ Ngoại giao
-	Tiếp tục đấu tranh, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, xử lý phù hợp các sự việc phát sinh, duy trì đường biên giới trên biển và trên bộ hòa bình, ổn định, tuân thủ luật pháp quốc tế và các thỏa thuận, văn kiện pháp lý với các đối tác; thúc đẩy hợp tác kinh tế biên mậu.	Bộ Ngoại giao
	Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế và kinh tế đối ngoại với các hướng đi mới, cách làm mới đột phá. Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại, ngoại giao đa phương thông qua việc chủ động, tích cực tham gia định hình, dẫn dắt, xây dựng luật chơi trong quản trị toàn cầu và giải quyết các vấn đề chung của thế giới.	Bộ Ngoại giao
2.11	<i>Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội</i>	
-	Phản ánh đầy đủ, có chiều sâu các thông điệp, hoạt động của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ; tuyên truyền về Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận 18-KL/TW của Trung ương, các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030, cung cấp nguồn tin chính thống, tin cậy đến Nhân dân, chủ động, tích cực định hướng dư luận xã hội, huy động sức mạnh đại đoàn kết để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.	Bộ VHTTDL, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
-	Tập trung thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn, quan trọng của đất nước năm 2026.	Bộ VHTTDL, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
3	Hạn chế, khó khăn (đánh giá chi tiết các hạn chế, khó khăn của tất cả các ngành, lĩnh vực theo 11 nhóm nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 244/2025/QH15 như phân công tại mục 2 phần II nêu trên)	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
4	Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
a)	Nguyên nhân của kết quả đạt được (trong đó nêu chi tiết các nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với các kết quả đạt được)	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
b)	Nguyên nhân của hạn chế, bất cập (trong đó nêu chi tiết nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với từng hạn chế, khó khăn)	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
5	Bài học kinh nghiệm	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027		
I	Bối cảnh kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 , bao gồm nhận định, phân tích và dự báo những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH năm 2026	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
II	Mục tiêu tổng quát	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
III	Chỉ tiêu chủ yếu	Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đề xuất, báo cáo theo Biểu số 1, Phụ lục II
IV	Một số cân đối lớn	Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đề xuất, báo cáo theo Biểu số 2, Phụ lục II
V	Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

Phụ lục III
DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN QUAN TRỌNG, TRỌNG ĐIỂM NĂM 2027
(Kèm theo Công văn số 8453 /BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	TÊN ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	HÌNH THỨC VĂN BẢN

Phụ lục IV
BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2027 CỦA CẢ NƯỚC
(Kèm theo Công văn số 1453/BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Biểu số 1
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2027 CỦA CẢ NƯỚC

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2026			Dự kiến năm 2027 ¹	Cơ quan báo cáo số liệu
			Mục tiêu (theo Nghị quyết số 244/2025/QH15)	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		
Nhóm các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 244/2025/QH15 của Quốc hội							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Phấn đấu 10% trở lên				Bộ TC
2	GDP bình quân đầu người	USD	5.400 - 5.500				Bộ TC
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	24,96				Bộ TC
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	Khoảng 4,5				Bộ TC
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	8,5				Bộ TC
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25,3				Bộ NV
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	29,5				Bộ GDĐT
8	Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực	%	<4				Bộ NV

¹ Các bộ, ngành đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2027 để đảm bảo phù hợp với Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 - 2030.

	thành thị						
9	Tỷ lệ giảm hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	1 - 1,5				Bộ NNMT
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	15,3				Bộ Y tế
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	34,7				Bộ Y tế
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	95,5				Bộ TC
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Tối thiểu 15%				Bộ NNMT
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95				Bộ NNMT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	95				Bộ TC
Nhóm các chỉ tiêu giao bổ sung theo Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội							
16	Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%					Bộ NNMT
17	Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng	%					Bộ TC
	<i>Trong đó: Tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%					Bộ CT
18	Tăng trưởng khu vực dịch vụ	%					Bộ TC
19	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%					Bộ CT
20	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD					Bộ CT
21	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%					Bộ CT
22	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%					Bộ CT
	<i>Trong đó: Nhóm nông, lâm, thủy sản</i>	%					Bộ NNMT
	<i>Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%					Bộ CT

	<i>Nhóm nhiên liệu, khoáng sản</i>	%					Bộ CT
23	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	%					Bộ CT
24	Tăng trưởng doanh số thương mại điện tử	%					Bộ CT
25	Tăng trưởng ngành công nghiệp văn hóa	%					Bộ VHTTDL
26	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam	Triệu lượt khách					Bộ VHTTDL
27	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GDP	%					Bộ TC
28	Hệ số ICOR						Bộ TC
29	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của khu vực kinh tế tư nhân	%					Bộ TC
30	Tổng tích lũy tài sản so với GDP	%					Bộ TC
31	Tiêu dùng cuối cùng so với GDP	%					Bộ TC
32	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	%					Bộ KHCN
33	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%					Bộ KHCN
34	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%					Bộ CT
35	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp	%					Bộ CT
36	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế	Triệu doanh nghiệp					Bộ TC
37	Tỷ lệ đô thị hoá	%					Bộ XD
38	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi					Bộ Y tế
39	Thời gian sống khỏe	Năm					Bộ Y tế
40	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%					Bộ GDĐT

41	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%					Bộ GDĐT
42	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%					Bộ GDĐT
43	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%					Bộ Y tế
44	Chỉ số phát triển con người (HDI)						Bộ GDĐT, Bộ Y tế
45	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%					Bộ NNMT
46	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%					Bộ NNMT
47	Tỷ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh	%					Bộ CT
48	Tỷ lệ tự dùng và tổn thất điện năng	%					Bộ CT
49	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%					Bộ CT
50	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	%					Bộ NNMT
51	Tỷ lệ che phủ rừng	%					Bộ NNMT

Biểu số 2
CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
III	VỀ XUẤT NHẬP KHẨU										Bộ Tài chính; Bộ Công Thương ⁴
1	Xuất khẩu hàng hóa										
-	Trị giá hàng hóa xuất khẩu	Tỷ USD									
	<i>Trong đó: tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không bao gồm xuất khẩu dầu thô)</i>	%									
-	Tốc độ tăng trị giá hàng hóa xuất khẩu	%									
2	Nhập khẩu hàng hóa										
-	Trị giá hàng hóa nhập khẩu	Tỷ USD									
	<i>Trong đó: tỷ trọng nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>	%									
-	Tốc độ tăng trị giá hàng hóa nhập khẩu	%									
3	Cán cân thương mại hàng hóa	Tỷ USD									
	Tỷ lệ xuất/nhập siêu so với tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%									
IV	VỀ NGUỒN ĐIỆN										Bộ Công Thương
1	Tổng công suất nguồn điện	MW									
2	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn	%									
3	Điện thương phẩm	Tỷ KWh									
4	Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ KWh									

⁴ Bộ Tài chính báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Công Thương báo cáo các cột còn lại.

Biểu số 3
CƠ CẤU KINH TẾ VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

[illegible]

Biểu số 4
PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
1	VỀ CÔNG NGHIỆP										Bộ Công Thương; Bộ Tài chính (CTK) ⁵
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%									
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%									
2	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%									
3	Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu										
-	Dầu mỏ thô khai thác	Triệu tấn									
-	Khí đốt thiên nhiên dạng khí	Tỷ m ³									
-	Xăng dầu các loại	Tỷ m ³									
-	Than sạch	Triệu tấn									

⁵ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Công Thương báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
-	Thép cán, thép thanh, thép góc các loại	Triệu tấn									
-	Vải dệt các loại	Triệu m ²									
...		...	...	...		...	...	...	...	...	...
II	VỀ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN										Bộ NNMT; Bộ Tài chính (CTK) 6
1	Một số sản phẩm chủ yếu										
-	Sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn									
	<i>Trong đó: Lúa</i>	<i>Nghìn tấn</i>									
-	Sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm	Nghìn tấn									
	Điều	Nghìn tấn									
	Cao su (Mủ khô)	Nghìn tấn									
	Cà phê (Nhân)	Nghìn tấn									
	Chè (Búp tươi)	Nghìn tấn									

⁶ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ NNMT báo cáo các cột còn lại.

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
III	VỀ DỊCH VỤ										
1	Thương mại										Bộ Công Thương; Bộ Tài chính (CTK) ⁷
	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%									
...		...	...	...		...	...	...	...	...	...
2	Du lịch										
-	Số lượt khách du lịch nội địa	Triệu lượt người									Bộ VH TT DL
	Tốc độ tăng	%									
-	Số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam	Triệu lượt người									Bộ VH TT DL; Bộ Tài chính (CTK) ⁸
	Tốc độ tăng	%									
...		...	...	...		...	...	...	...	...	...
3	Thông tin và truyền thông										Bộ VH TT DL; Bộ Tài chính (CTK) ⁹
-	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	%									

⁷ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Công Thương báo cáo các cột còn lại.

⁸ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo các cột còn lại.

⁹ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo các cột còn lại.

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
-	Tổng số hợp tác xã	Nghìn hợp tác xã									
	<i>Trong đó:</i>										
+	Thành lập mới	Hợp tác xã									
+	Giải thể	Hợp tác xã									
-	Tổng số thành viên trong hợp tác xã	Nghìn thành viên									
-	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã									
-	Tổng số hợp tác xã thành viên của Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã									
-	Tổng số tổ hợp tác	Nghìn tổ hợp tác									
-	Tổng số thành viên của tổ hợp tác	Nghìn thành viên									
V	VỀ ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN										
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%									Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính (CTK) ¹⁰
2	Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%									Bộ NNMT
	<i>Trong đó: đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu</i>	%									

¹⁰ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Xây dựng báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
...		...	...	...		...	...	...	...	...	...

Biểu số 5
VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI (theo giá hiện hành)

[illegible]

Biểu số 6
CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
I	VỀ DÂN SỐ										
1	Dân số trung bình	Triệu người									Bộ Tài chính (CTK)
	<i>Trong đó: dân số nông thôn</i>	<i>Triệu người</i>									
2	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi									Bộ Tài chính (CTK)
3	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái									Bộ Y tế; Bộ Tài chính (CTK) ¹¹
II	VỀ GIÁO DỤC										Bộ GDĐT
1	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%									
2	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%									
3	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở										
	Trong đó:										
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tính đạt chuẩn mức độ 1)	tính									
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tính đạt chuẩn mức độ 2)	tính									

¹¹ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Y tế báo cáo các cột còn lại.

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
2	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người									Bộ Y tế; Bộ Tài chính (CTK) ¹²
3	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ ra sống)	‰									Bộ Y tế; Bộ Tài chính (CTK) ¹³
4	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ ra sống)	‰									Bộ Y tế; Bộ Tài chính (CTK) ¹⁴
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi)	%									Bộ Y tế
6	Tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe	%									Bộ Y tế
7	Số được sĩ đại học trên 1 vạn dân	Được sĩ đại học									Bộ Y tế
8	Số điều dưỡng viên trên 1 vạn dân	Điều dưỡng viên									Bộ Y tế
9	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%									Bộ Y tế
...		...	...	...		...	...	...	...	...	...
V	VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH										Bộ Nội vụ
1	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%									
2	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân	%									

¹² Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Y tế báo cáo các cột còn lại.

¹³ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Y tế báo cáo các cột còn lại.

¹⁴ Bộ Tài chính (CTK) báo cáo cột số (4) và (6), (7), (8); Bộ Y tế báo cáo các cột còn lại.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Năm 2026				Dự kiến năm 2027			Cơ quan báo cáo
				Mục tiêu	Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2025 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2026 (%)	So với ước thực hiện 2026 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)
	cả nước (Par-Index)										
3	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%									
4	Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%									
5	Tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%									
...		...	...	...		...	...	...	...	...	...
V	VỀ MÔI TRƯỜNG										
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ¹⁵	%									Bộ Xây dựng
2	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn ¹⁶	%									Bộ NNMT
3	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn ¹⁷	%									Bộ NNMT
4	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%									Bộ NNMT
...		...	...	...		...	...	...	...	...	...

¹⁵ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

¹⁶ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn

¹⁷ Tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 7/11/2022 là Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (phân theo thành thị, nông thôn)

Phụ lục V
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2027
(tất cả các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương báo cáo)
(Kèm theo Công văn số 1453/BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Tên dự án/công trình	Doanh nghiệp đầu tư	Mã số thuế	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Năng lực mới tăng	Thời gian dự kiến đi vào hoạt động
				Năng lực/công suất thiết kế/Quy mô dự án	
I. DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ VỐN NHÀ NƯỚC					
...					
II. DỰ ÁN ĐẦU TƯ TƯ NHÂN					
...					
III. DỰ ÁN CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI					
...					

Phụ lục VI
ƯỚC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG NĂM 2026 VÀ DỰ KIẾN 2027
CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Công văn số 8453/BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026	Ước TH 2026	Kế hoạch 2027
I	VỀ KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP. Trong đó:	%			
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%			
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%			
	- Công nghiệp	%			
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%			
	- Xây dựng	%			
1.3	Khu vực dịch vụ	%			
	Trong đó:				
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%			
	- Vận tải, kho bãi	%			
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%			
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%			
	- Hoạt động chuyên môn Khoa học và Công nghệ	%			
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%			
2	GRDP bình quân đầu người	USD			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026	Ước TH 2026	Kế hoạch 2027
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%			
4	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%			
5	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD			
6	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%			
7	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu	%			
8	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%			
9	Tăng trưởng ngành công nghiệp văn hóa	%			
10	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt			
11	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng			
	<i>Tỷ lệ tổng vốn đầu tư thực hiện/GRDP</i>	%			
12	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	%			
13	Tỉ trọng giá trị tăng thêm kinh tế số trong GRDP	%			
14	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	%			
15	Tăng trưởng điện thương phẩm	%			
16	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn	Nghìn DN			
17	Tỉ lệ đô thị hoá	%			
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu 2026	Ước TH 2026	Kế hoạch 2027
18	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	Tuổi			
19	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn	%			
20	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%			
21	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%			
22	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%			
23	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%			
24	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%			
25	Số bác sĩ/vận dân (người)	Người			
26	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe	%			
27	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%			
28	Chỉ số phát triển con người (HDI)				
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BĐKH				
29	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%			
30	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%			
31	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%			
32	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%			